

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân V, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn M, sinh năm 1991; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại: Đ, phân trại số D, Trại giam X, Cục C, Bộ C1, địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2023, bản tự khai ngày 26/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **H** trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh **Phạm Xuân V** thời gian từ năm 2008, nhưng đến ngày 27/8/2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **K**. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 3 năm 2019 đến nay ngày càng trầm trọng do phong cách sống không phù hợp, không thống nhất trong làm ăn kinh tế và nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù gia đình hai bên, thôn xóm đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh **Phạm Xuân V**.

Về con chung: Có 02 con là **Phạm Thế V1**, sinh ngày 13/11/2009 và **Phạm Thị Thanh N**, sinh ngày 20/3/2013 hiện đang do anh **V** nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh **V** tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung (trên cơ sở nguyện vọng của cháu **V1** và cháu **N**) đến khi các cháu đủ 18 tuổi vì anh **V** có công việc, thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng), thời gian tính từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian sống ly thân với anh **V**, đầu năm 2020 chị và anh **Trần Văn M** có quan hệ tình cảm với nhau và sinh được 01 con chung vào ngày 14/01/2021, dự định đặt tên là **Trần Minh N1** theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05/2021 ngày 14/01/2021 của **Bệnh viện P, Hải Phòng**. Đến năm 2022 anh **M** bị xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, hiện đang chấp hành án tại **Trại giam X**. Chị **H** đã có đơn gửi Tòa án đề nghị **Công ty Cổ phần D** (viết tắt là **Công ty G**); địa chỉ: **Tầng B, Tòa nhà H, B T, quận T, thành phố Hà Nội** là công ty có chức năng giám định ADN để thực hiện thủ tục giám định. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN mã số: HID23 33666 ngày 22/12/2023 của **Công ty G** kết luận: Anh **Trần Văn M** và cháu dự định đặt tên là **Trần Minh N1** có quan hệ huyết thống Cha - Con. Nay chị đề nghị Tòa án xác định anh **Trần Văn M** là cha đẻ của cháu bé do chị sinh ra ngày 14/01/2021, theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05/2021 ngày 14/01/2021 của **Bệnh viện P, Hải Phòng**, dự định đặt tên là **Trần Minh N1**.

Anh **V** trình bày tại bản tự khai ngày 06/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án: Thống nhất với chị **H** về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 3 năm 2019 do phong cách sống không phù hợp, không thống nhất trong làm ăn kinh tế và nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng

trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con là Phạm Thế V1, sinh ngày 13/11/2009 và Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 20/3/2013, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh đồng ý việc chị H nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng), thời gian tính từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian anh và chị H sống ly thân, chị H có quan hệ tình cảm với anh Trần Văn M, sinh được 01 con chung. Anh khẳng định cháu bé do chị H sinh ra ngày 14/01/2021 theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05/2021 ngày 14/01/2021 của Bệnh viện P, Hải Phòng, dự định đặt tên là Trần Minh N1 là con riêng của chị H, mặc dù được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của anh chị. Vì vậy anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H về xác định cha cho con và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/12/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh M trình bày: Thống nhất toàn bộ nội dung như chị H đã khai. Thời gian anh và chị H có quan hệ tình cảm với nhau thì chị H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Phạm Xuân V. Ngày 14/01/2021, chị H sinh được 01 con chung của anh chị, dự định đặt tên là Trần Minh N1, theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05/2021 ngày 14/01/2021 của Bệnh viện P, Hải Phòng. Năm 2022 anh thực hiện hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên đang phải chấp hành án tại Trại giam X. Nay chị H đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu bé do chị H sinh ra ngày 14/01/2021, dự định đặt tên là Trần Minh N1; anh đồng ý và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do anh đang chấp hành án tại Trại giam X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; Điều 88; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1

Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **H** được ly hôn anh **V**. Về con chung: Giao cháu **Phạm Thế V1**, sinh ngày 13/11/2009 và **Phạm Thị Thanh N**, sinh ngày 20/3/2013 cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng), thời gian tính từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về xác định cha cho con: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H** về việc xác định anh **Trần Văn M** là cha đẻ của cháu bé do chị **Hoàng Thị H** sinh ra ngày 14/01/2021, theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05 ngày 14/01/2021 của **Bệnh viện P, Hải Phòng**, dự định đặt tên là **Trần Minh N1**.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **H** xin ly hôn anh **V** và yêu cầu giải quyết về nuôi con, xác định cha cho con. Anh **V** đang cư trú tại **thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng**; căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị **H** là nguyên đơn, anh **V** là bị đơn, anh **M** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **V** xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, K** ngày 27/8/2009. Quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **V** được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12

năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị **H** xin ly hôn, anh **V** trình bày ý kiến tại bản tự khai đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên họp và hòa giải. Xét hôn nhân giữa chị **H** và anh **V** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị **H**, cho chị **H** được ly hôn anh **V** là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Phạm Thế V1**, sinh ngày 13/11/2009 và **Phạm Thị Thanh N**, sinh ngày 20/3/2013 hiện đang do anh **V** nuôi dưỡng. Chị **H** nhất trí giao cháu **V1** và cháu **N** cho anh **V** tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh **V** có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con tốt. Mặt khác, nguyện vọng của cháu **V1** và cháu **N** đều muốn được ở với anh **V**. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu **V1** và cháu **N** cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị **H** nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng), thời gian tính từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con đủ 18 tuổi, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về yêu cầu xác định cha cho con: Thời gian sống ly thân anh **V**, đầu năm 2020 chị **H** có quan hệ tình cảm với anh **M** và sinh được 01 con chung vào ngày 14/01/2021, dự định đặt tên là **Trần Minh N1** theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05 ngày 14/01/2021 của **Bệnh viện P, Hải Phòng**. Tuy nhiên, khi sinh con thì chị **H** đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh **Phạm Xuân V**. Mặc dù theo Luật Hôn nhân và gia đình thì con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng; nhưng chị **H** và anh **M** đều thừa nhận anh **M** là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là **Trần Minh N1**; anh **V** đồng ý với yêu cầu khởi kiện xác định cha cho con của chị **H**. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN mã số: HID23 33666 ngày 22/12/2023 của **Công ty G** kết luận: Anh **Trần Văn M** và cháu dự định đặt tên là **Trần Minh N1** có quan hệ huyết thống Cha - Con.

[7] Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của các đương sự phù hợp với nhau, với biên bản xác minh tại địa phương và phù hợp với kết quả phân tích ADN ngày 22/12/2023 của **Công ty G**. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H** về việc xác định anh **Trần Văn M** là cha đẻ của cháu bé sinh ra ngày 14/01/2021, theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05 ngày 14/01/2021 của **Bệnh viện P, Hải Phòng**, dự định đặt tên là **Trần Minh N1** theo quy định tại Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 88; khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị H** được ly hôn anh **Phạm Xuân V**.

2. Về con chung: Giao cháu **Phạm Thế V1**, sinh ngày 13/11/2009 và **Phạm Thị Thanh N**, sinh ngày 20/3/2013 cho anh **Phạm Xuân V** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị **Hoàng Thị H** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng), thời gian tính từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị **Hoàng Thị H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh **Phạm Xuân V** cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị **Hoàng Thị H** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị H**, xác định: Anh **Trần Văn M** là cha đẻ của cháu bé do chị **Hoàng Thị H** sinh ra ngày 14/01/2021, theo giấy chứng sinh số 000490, quyển số 05, ngày 14/01/2021 của **Bệnh viện P, Hải Phòng**, dự định đặt tên là **Trần Minh N1**.

5. Về án phí: Chị **Hoàng Thị H** phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004612 ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị **Hoàng Thị H** còn phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị **Hoàng Thị H**, anh **Phạm Xuân V** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Anh **Trần Văn M** có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- UBND xã A, huyện T;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Thị Minh

Nguyễn Văn Lượng

Phạm Thị Ngà

